

PHỤ LỤC 8

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở - ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG BUK

Kèm theo nghị quyết số 34/2007/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2007 của HĐND tỉnh

ĐVT: đồng/m²

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
I	Thị trấn Buôn Hồ					
1	Đường Hùng Vương	Giáp ranh giới xã Thống Nhất	Đường vào xã Đoàn Kết (trước Lò mổ)	700,000	700,000	
		Đường vào xã Đoàn Kết (trước Lò mổ)	Đường vào chùa Thiện An	1,000,000	1,000,000	
		Đường vào chùa Thiện An	Đường An Dương Vương	1,400,000		1,500,000
		An Dương Vương	Đường Trần Cao Vân	1,600,000		1,800,000
		Đường Trần Cao Vân	Nguyễn Đình Chiểu	3,000,000	3,000,000	
		Nguyễn Đình Chiểu	Giáp ranh giới xã Ea Đê	1,800,000	1,800,000	
2	Nguyễn Chí Thanh	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Lê Quý Đôn	4,000,000	4,000,000	
		Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Tri Phương	1,200,000		1,500,000
		Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,200,000	1,200,000	
		Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Giáp ranh giới xã Ea Đê	500,000		600,000
3	Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Đình Chiểu	1,500,000	1,500,000	
		Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Nguyễn Du	1,000,000	1,000,000	
		Đường Nguyễn Du	Giáp ranh giới xã Ea Đê	400,000		500,000
4	Nguyễn Thị Minh Khai	Giáp đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Chí Thanh	800,000	800,000	
		Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	300,000	300,000	
5	Nguyễn Du	Đầu đường (giáp đường Hùng Vương)	Hết đường	700,000		800,000
6	Nguyễn Bình Khiêm	Đầu đường (giáp đường Hùng Vương)	Hết đường	700,000		800,000
7	Trần Đại Nghĩa	Đầu đường (giáp đường Hùng Vương)	Hết đường	800,000	800,000	
8	Nguyễn Tri Phương	Đầu đường (giáp đường Hùng Vương)	Hết đường	800,000	800,000	
9	Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Nguyễn Du	700,000	700,000	
10	Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Hết đường	600,000		700,000
11	Nguyễn Thị Định	Đầu đường (giáp đường Lê Quý Đôn)	Hết đường	600,000		700,000
12	Lê Quý Đôn	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Tất Thành	1,500,000		1,800,000
		Đường Nguyễn Tất Thành	Cộng 200m	1,000,000		1,200,000
		Cộng 200m	Hết đường	400,000	400,000	
13	Nguyễn Đình Chiểu	Đường Hùng Vương	Đường Phan Bội Châu	1,500,000		1,800,000
		Đường Phan Bội Châu	Hết đường	500,000		800,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
14	Nguyễn Tất Thành	Đường An Dương Vương	Đường Nguyễn Trãi	600,000	600,000	
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Hoàng Diệu	1,200,000		1,500,000
		Đường Hoàng Diệu	Đường Lê Quý Đôn	2,000,000		2,500,000
15	Phạm Ngọc Thạch	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Chí Thanh	2,500,000	2,500,000	
16	Lê Thị Hồng Gấm	Đầu đường (giáp đường Nguyễn Chí Thanh)	Hết đường	1,200,000	1,200,000	
17	Kim Đồng	Đầu đường (giáp đường Trần Hưng Đạo)	Hết đường	2,000,000	2,000,000	
18	Phạm Ngũ Lão	Đầu đường (giáp đường Hùng Vương)	Hết đường	3,000,000		4,000,000
19	Ngô Quyền	Ngã 3 đường Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	2,500,000		3,500,000
20	Hoàng Diệu	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Tất Thành	3,000,000		3,500,000
		Đường Nguyễn Tất Thành	Cộng 200m	1,200,000		1,500,000
		Cộng 200m	Hết đường	300,000		500,000
21	Trần Phú	Đầu đường (giáp đường Chu Văn An)	Hết đường	2,000,000	2,000,000	
22	Võ Thị Sáu	Giáp đường Hùng Vương	Hết đường	1,000,000	1,000,000	
23	Trần Hưng Đạo	Giáp đường Hùng Vương	Đường Kim Đồng	5,000,000	5,000,000	
		Đường Kim Đồng	HTX An Lạc	3,000,000		4,000,000
		HTX An Lạc	Giáp ranh giới xã Ea Đê	3,000,000		3,500,000
24	Hai Bà Trưng	Đường Lê Duẩn	Giáp đường Trần Hưng Đạo	1,500,000		2,000,000
		Ngã 4 đường Lê Duẩn	Đường Nơ Trang Long	1,000,000	1,000,000	
25	Lê Duẩn	Đầu đường (giáp đường Tôn Thất Tùng)	Hết đường	1,000,000	1,000,000	
26	Lê Hồng Phong	Đầu đường (giáp đường Hùng Vương)	Hết đường	2,000,000	2,000,000	
27	Phạm Văn Đồng	Đầu đường (giáp đường Nơ Trang Long)	Hết đường	1,000,000	1,000,000	
28	Ama Khê	Đầu đường (giáp đường Hùng Vương)	Hết đường	1,000,000	1,000,000	
29	Tôn Thất Tùng	Đầu đường (giáp đường Hùng Vương)	Hết đường	1,000,000	1,000,000	
30	Nơ Trang Long	Đầu đường (giáp đường Hùng Vương)	Hết đường	2,000,000	2,000,000	
31	Bùi Thị Xuân	Đầu đường (giáp đường Trần Phú)	Hết đường	1,200,000		1,500,000
32	Đinh Tiên Hoàng	Đầu đường (giáp đường Nguyễn Tất Thành)	Đường Phan Chu Trinh	800,000	800,000	
		Đường Phan Chu Trinh	Hết đường	800,000		500,000
33	Lê Lợi	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Phan Chu Trinh	800,000	800,000	
		Đường Phan Chu Trinh	Hết đường	400,000		500,000
34	Quang Trung	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Tất Thành	2,500,000		3,000,000
		Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Phan Chu Trinh	1,000,000	1,000,000	
		Đường Phan Chu Trinh	Hết đường	400,000		500,000
35	Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Trãi	Đường Đinh Tiên Hoàng	800,000	800,000	

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
		Đường Đinh Tiên Hoàng	Hết đường	400,000		500,000
36	Chu Văn An	Đầu đường (giáp đường Hùng Vương)	Hết đường	2,000,000		2,500,000
37	Phan Đăng Lưu	Đầu đường (giáp đường Quang Trung)	Hết đường	1,000,000	1,000,000	
38	Y Jút	Đầu đường (giáp đường Nguyễn Tất Thành)	Hết đường	600,000	600,000	
39	Lê Lai	Đầu đường (giáp đường Y Jút)	Hết đường	400,000		600,000
40	Trần Quốc Toàn	Ngã 3 Y Jút	Hết đường	400,000		600,000
41	Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Tất Thành	1,800,000		2,000,000
		Đường Nguyễn Tất Thành	Nhà Ông Kính	800,000		1,200,000
		Nhà Ông Kính	Hết đường	800,000		600,000
42	Nguyễn Hữu Thọ	Đầu đường (giáp đường Hùng Vương)	Hết đường	500,000	500,000	
43	Nguyễn Đức Cảnh	Đầu đường (giáp đường Hùng Vương)	Ngã 4 Nguyễn Tất Thành	500,000	500,000	
44	An Dương Vương	Đầu đường (giáp đường Hùng Vương)	Đường Nguyễn Tất Thành	800,000		1,000,000
		Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh giới xã Đoàn Kết	500,000		600,000
45	Huỳnh Thúc Kháng	Ngã 3 Phan Đình Phùng	Hết đường	800,000	800,000	
46	Lý Tự Trọng	Ngã 3 đường Nơ Trang Long	Ngã 3 đường Nguyễn Văn Cừ	800,000	800,000	
		Ngã 3 đường Nguyễn Văn Cừ	Hết đường	400,000		500,000
47	Trần Cao Vân	Ngã 3 đường Huỳnh Thúc Kháng	Ngã 3 đường Lý Tự Trọng	600,000	600,000	
48	Nguyễn Văn Cừ	Giao đường Hùng Vương	Ngã 4 đường Lý Tự Trọng	800,000	800,000	
49	Nguyễn Trung Trực	Ngã 3 Phan Đình Phùng	Ngã 3 đường Nguyễn Văn Cừ	600,000	600,000	
50	Phan Đình Phùng	Giao đường Hùng Vương	Ngã 3 đường Nguyễn Trung Trực	400,000	400,000	
51	Đường vào thôn 12/3 Đoàn Kết	QL 14	+ 100 mét			500,000
		101 mét	Giáp thôn 12/3 xã Đoàn Kết			300,000
52	Khu dân cư còn lại			100,000		150,000
II Xã Ea Blang						
1	Đường giao thông (trục chính)	Nơ Trang Long (kéo dài)	Cộng 150m	1,400,000		2,000,000
		Từ 151m	Trường THCS Lý Thường Kiệt	800,000	800,000	
		Trường THCS Lý Thường Kiệt	Cầu Buôn Trinh	400,000	400,000	
		Cầu Buôn Trinh	UBND xã Ea Blang	350,000	350,000	
		Cây xăng nhà ông Bình	Trụ sở thôn Đồng Xuân	500,000	500,000	
		Trụ sở thôn Đồng Xuân	Giáp ranh xã Ea Drông	300,000	300,000	
		UBND xã Ea Blang	Giáp ranh xã Ea Siên	100,000	100,000	

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
2	Khu vực chợ	Nhà ông Nguyễn Văn Đông	Nhà Trần Văn Cảnh (dãy trên)	400,000	400,000	
		Nhà Trần Phải	Nhà Huỳnh Hữu Nam (dãy sinh)	200,000	200,000	
3	Đồng Tâm	Giáp Nơ Trang Long	Giáp ranh Nguyễn Văn Cừ	800,000	800,000	
		Giáp ranh Nguyễn Văn Cừ	Thôn Đồng Tiến	400,000	400,000	
		Nhà ông Mông	Nhà ông Long (dãy dưới)	300,000	300,000	
		Nhà ông Nghĩa	Nhà ông Kỳ (dãy trên)	200,000	200,000	
4	Buôn Trinh	Nhà ông Nguyễn	Nhà ông Ama Hniem	500,000	500,000	
5	Đường Trần Hưng Đạo kéo dài					
		Giáp ranh thị trấn Buôn Hồ	Cầu rô Xy	2,500,000		3,000,000
		Cầu rô Xy	Giáp Ea Hô	1,000,000		1,500,000
6	Khu vực còn lại			50,000		100,000
III	Xã Cư Kpô					
1	Ea Nho	Toàn Thôn		15,000		50,000
2	K'Ty I					
	Dọc quốc lộ 14	Đầu vườn nhà ông Hùng	Cuối vườn nhà ông Thủy	70,000		200,000
	Khu vực còn lại			30,000		60,000
3	K'Ty II					
	Dọc quốc lộ 14	Đầu vườn Nhà ông Hai	Cuối vườn Nhà ông Sơn Sắc	100,000		200,000
		QL 14	Hết đất trụ sở UBND xã Cư Kpô			100,000
	Khu vực còn lại			30,000		60,000
4	K'Ty III					
	Dọc quốc lộ 14	Đầu vườn Nhà ông Thắng	Cuối vườn Nhà ông Kính	100,000		200,000
	Khu vực còn lại			30,000		60,000
5	K'Ty IV					
	Dọc quốc lộ 14	Đầu vườn Nhà ông Sơn	Cuối vườn Nhà ông Châu	100,000		200,000
	Khu vực còn lại			30,000		60,000
6	K'Ty V					
	Dọc quốc lộ 14	Đầu vườn Nhà ông Chung	Ngã 3 Cư Pong	100,000		200,000
	Khu vực còn lại			30,000		60,000
7	Nam Thái	QL14	Trường TH Hai Bà trung	30,000		80,000
	Khu vực còn lại			30,000		60,000
8	Nam Trung	Toàn Thôn		30,000		60,000
9	Nam Lộc	Đầu vườn Nhà ông Hanh	Trường TH Hai Bà trung	30,000		80,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
	Khu vực còn lại			30,000		60,000
10	Nam Tân	Toàn Thôn		30,000		80,000
11	Nam Anh	Toàn Thôn				
	Dọc quốc lộ 14			100,000		200,000
		QL14	Trụ sở UBND xã Cư Kpô			100,000
		QL14	Trường cấp 2 Phan Bội Châu			100,000
	Khu vực còn lại			50,000		60,000
12	Quảng Hà	Cổng thôn Quảng Hà	Trạm xá NT Cư Kpô	50,000		150,000
	Khu vực còn lại			50,000		100,000
13	An Bình					
		Trường Nguyễn Thị Minh Khai	Hết trụ sở NT Cao su Cư Kpô	150,000		300,000
		Khu vực còn lại		100,000		150,000
14	Hoà Lộc	Đầu vườn Nhà Ông Kỳ	lô cao su	100,000		200,000
	Khu vực còn lại			100,000	100,000	
15	Bình Minh	Toàn Thôn		30,000		60,000
16	Thống Nhất	cầu Nông trường	lô cao su	30,000		150,000
	Khu vực còn lại			30,000		60,000
17	Liên Hoá	Toàn Thôn		30,000		50,000
18	Độc Lập	Toàn Thôn		30,000		50,000
19	Tân Lập	Toàn Thôn		30,000		50,000
20	Kim Phú	Toàn Thôn		30,000		50,000
21	Hợp Thành	Toàn Thôn		30,000		50,000
IV	Xã Pong Drang					
1	Quốc lộ 14	Trung tâm chợ về hai phía, mỗi phía 100m		2,500,000		3,000,000
		Cách trung tâm chợ +100m phía bắc	Hết trường Lê Lợi (phía Gia Lai)	2,000,000		2,500,000
		Cách trung tâm chợ +100m phía nam	Trụ sở UBND xã	1,500,000		2,500,000
		UBND Xã	Giáp xã Ea Đê	1,200,000		1,800,000
		Trường Lê Lợi	Hết trường Phan Đăng Lưu	1,000,000		1,200,000
		Trụ sở XNCB Cư Pong	Ngã 3 Quốc lộ 14 đường đi nông trường 352 + 400m	1,500,000	1,500,000	
2	Tỉnh lộ 8	Ngã 3 Quốc lộ 14	Ngã 3 Quốc lộ 14 + 100 m	1,000,000		2,000,000
		Ngã 3 Quốc lộ 14 + 100 m	Ngã 3 Quốc lộ 14 + 500 m	600,000		1,000,000
		Ngã 3 Quốc lộ 14 + 500 m	Ngã 3 Quốc lộ 14 + 1000 m	400,000		600,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
		Ngã 3 Quốc lộ 14 + 1000 m	Cầu Buôn Tân Mai	200,000		300,000
3	Đường vào xã Ea Ngai	Ngã 3 Quốc lộ 14	Giáp ranh giới xã Ea Ngai	400,000		600,000
4	Các đường tiếp giáp QL14					
a	Trung tâm chợ về hai phía, mỗi phía 100m	Từ QL14	QL14 + 100 m	60,000		600,000
		QL14 + 100 m	QL 14 + 300 m	60,000		450,000
		QL 14 + 300 m	QL 14 + 500 m	60,000		300,000
b	100 m về phía Bắc đến hết Trường Lê Lợi + Đoạn từ cách trung tâm chợ 100 m về phía Nam đến UBND xã	Từ QL14	QL14 + 100 m	60,000		500,000
		QL14 + 100 m	QL 14 + 300 m	60,000		375,000
		QL 14 + 300 m	QL 14 + 500 m	60,000		250,000
c	Đoạn từ UBND xã đến giáp xã Ea Đê	Từ QL14	QL14 + 100 m	60,000		360,000
		QL14 + 100 m	QL 14 + 300 m	60,000		270,000
		QL 14 + 300 m	QL 14 + 500 m	60,000		180,000
d	Đoạn từ trường Lê Lợi đến hết trường Phan Đăng Lưu	Từ QL14	QL14 + 100 m	60,000		240,000
		QL14 + 100 m	QL 14 + 300 m	60,000		180,000
		QL 14 + 300 m	QL 14 + 500 m	60,000		120,000
e	Đoạn từ trường Phan Đăng Lưu đến ngã 3 cụm công nghiệp + 400 mét	Từ QL14	QL14 + 100 m	60,000		300,000
		QL14 + 100 m	QL 14 + 300 m	60,000		225,000
		QL 14 + 300 m	QL 14 + 500 m	60,000		150,000
5	Các đường song song QL 14					
a	Trung tâm chợ về hai phía, mỗi phía 100m	Dãy 1		60,000		600,000
		Dãy 2		60,000		450,000
b	100 m về phía Bắc đến hết Trường Lê Lợi + Đoạn từ cách trung tâm chợ 100 m về phía Nam đến UBND xã	Dãy 1		60,000		500,000
		Dãy 2		60,000		375,000
c	Đoạn từ UBND xã đến giáp xã Ea Đê	Dãy 1		60,000		360,000
		Dãy 2		60,000		270,000
d	Đoạn từ trường Lê Lợi đến hết trường Phan Đăng Lưu	Dãy 1		60,000		240,000
		Dãy 2		60,000		180,000
	Đoạn từ trường Phan Đăng	Dãy 1		60,000		300,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
e	Lưu đến ngã 3 cụm công nghiệp + 400 mét	Dãy 2		60,000		225,000
6	Đường Ea Tút đi xã Ea Ngai	Ngã 3 Ba Tài	Ngã 3 Ba Tài + 100 m	60,000		400,000
		Ngã 3 Ba Tài + 100 m	Ngã 3 Ba Tài + 500 m	60,000		300,000
		Ngã 3 Ba Tài + 500 m	cầu Ea Tút	60,000		200,000
7	Khu vực còn lại			60,000		100,000
V	Xã Ea Ngai					
1	Tỉnh lộ 8	Từ suối đá (giáp Cư Mga)	Cầu Buôn Tân Mai	120,000		150,000
2	Đường từ TLô 8 đi UB xã Ea Ngai	Ngã 3 Tỉnh lộ 8	Ngã 3 Tỉnh lộ 8 + 500 m	60,000		90,000
		Ngã 3 Tỉnh lộ 8 + 500 m	Ngã 3 Đường đi công ty cà phê 15 - 500 m	70,000		75,000
		Ngã 3 Đường đi công ty cà phê 15 - 500 m	Ngã 3 Đường đi công ty cà phê 15	60,000		75,000
3	Đường đi công ty cà phê 15	Từ khu công nghiệp (giáp xã Pong Drang)	Trụ sở UBND xã + 1000m về phía tây	110,000		140,000
		Trụ sở UBND xã + 1000m về phía tây	Hết ranh giới của xã Ea Ngai	40,000		70,000
4	Khu vực còn lại			40,000		60,000
VI	Xã Cư Pong					
1	Đường giao thông trục Km 60	Ngã 3 QL 14	Ngã 3 QL 14 + 500 m	80,000		120,000
		Ngã 3 QL 14 + 500 m	Ngã 3 trục đường UBND xã (hết đường)	80,000		100,000
2	Đường giao thông	Trụ sở UBND xã	Hết trường Phạm Hồng Thái	100,000		150,000
3	Khu vực còn lại			24,000		36,000
VII	Xã Cư Bao					
1	Quốc lộ 14					
		Ngã 3 đường vào xã Bình Thuận (Đèo Hà Lan)	Ngã 3 đường vào NT cao su Cư Bao	150,000		250,000
		Ngã 3 đường vào NT cao su Cư Bao	Nhà thờ Công chính - Cư Bao	300,000		400,000
		Nhà thờ Công chính - Cư Bao	UBND xã Cư Bao + 200m	450,000		600,000
		UBND xã Cư Bao + 200m	Giáp ranh giới huyện Cư Mgar	150,000		250,000
2	Các đường tiếp giáp QL14	Quốc lộ 14	QL 14 + 100 mét về phía đông tây	150,000	150,000	
		QL 14 + 100 mét	Chùa Linh Thửu - Cư Bao	100,000	100,000	
	Các khu vực khác	Chùa Linh Thửu - Cư Bao	Hết đường	70,000	70,000	
3	Đường bao quanh chợ xã Cư Bao			300,000		600,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
4	Đất ở trung tâm NT cao su Cư Bao (cách cổng nông trường về hai phía 200m)			100,000		150,000
5	Đường đi Bình Hoà	Ngã 3 Quốc lộ 14	Cổng trường Nguyễn Văn Trỗi			500,000
		Cổng trường Nguyễn Văn Trỗi	Trụ sở Thôn Sơn Lộc 2			200,000
		Trụ sở Thôn Sơn Lộc 2	Cầu Vôi, Cư Bao			100,000
6	Khu vực còn lại			40,000		70,000
VIII	Xã Đoàn Kết					
1	Đường giao thông liên xã	Giáp đường An Dương Vương	Giáp đường An Dương Vương + 100m	250,000		300,000
		Giáp đường An Dương Vương + 100m	Hết trụ sở UBND xã Đoàn Kết	120,000		200,000
2	Đường giao thông liên xã	Ngã 3 đối diện nhà ông Kính (Buôn Hồ)	Ngã 4 đập Đoàn Kết	400,000	400,000	
		Đoạn còn lại		200,000	200,000	
3	Đường Trạm phí đi 12/3	Cầu 12/3	Giáp thôn 12/3			100,000
4	Đường Thôn Ân Mỹ	Ngã 3 Nghĩa trang Cung kiếm	Ngã 3 thôn Ân Mỹ I			80,000
5	Khu vực còn lại			40,000		70,000
IX	Xã Thống Nhất					
1	Quốc lộ 14	Trụ sở UBND Xã	Trụ sở UBND xã + 200m về phía Nam và Bắc	1,100,000		1,500,000
		Trụ sở UBND xã + 200m về phía Nam	Nhà thờ Vinh Quang	1,000,000		1,200,000
		Nhà thờ Vinh Quang	Hết xã Thống Nhất (đèo Hà Lan)	700,000		800,000
		Trụ sở UBND xã + 200m về phía Bắc	Nhà thờ Vinh Phước	1,000,000		1,200,000
		Nhà thờ Vinh Phước	Giáp thị trấn Buôn Hồ	600,000		800,000
2	Đường vào chợ Thống Nhất và quanh khu vực chợ			1,000,000	1,000,000	
3	Các đường giao Quốc lộ 14	Ngã 3, ngã 4 Quốc lộ 14	Ngã 3, ngã 4 Quốc lộ 14 + 100 m	600,000	600,000	
		Ngã 3, ngã 4 Quốc lộ 14 + 100 m	Ngã 3, ngã 4 Quốc lộ 14 + 250 m	400,000	400,000	
		Ngã 3, ngã 4 Quốc lộ 14 + 250 m	Hết khu dân cư	200,000	200,000	
4	Khu vực còn lại			80,000		100,000
X	Xã Ea Siên					
1	Đường chính vào xã	Cổng nhà Ông Mông	Ngã 3 nhà Ông Khởi	100,000		150,000
2	Trục trung tâm cụm xã	Các tuyến đường trung tâm cụm xã còn lại		50,000		100,000
	Tuyến Thôn 5, Thôn 2a; thôn 2b	Ngã tư Ông Pai	Hết xã Ea Siên			70,000
4	Trục chính Thôn 3	Cổng chào Thôn 3	Cổng chào Thôn 4B			50,000
5	Trục chính Thôn 7	Cổng chào Thôn 7	Nhà Ông Thao			50,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
6	Trục chính buôn Dlung 1a; 1b	Nhà anh Sơn Máy xát	Suối cầu tràn buôn Dlung 1B			50,000
7	Trục chính buôn Dlung 2	Cổng bản buôn Dlung 2	Cầu suối Đục			50,000
8	Khu vực còn lại			30,000		35,000
XI	Xã Bình Thuận					
1	Khu vực ngã 3 Bình Thành	Trong bán kính 300m trên trục đường		120,000		180,000
2	Đường đi UBND xã	Ngã 3 Bình Thành + 300m	Trạm Y tế xã	100,000		150,000
3	Khu vực chợ xã	Trạm Y tế xã	Xăng dầu Thịnh Phong	150,000		225,000
		Xăng dầu Thịnh Phong	Dốc Bình Hoà	100,000		150,000
		Xung quanh chợ Bình Hoà + 300m		120,000		180,000
4	Đường trục chính	Chợ Bình Hoà + 300m	Đầu Buôn Jút	100,000		150,000
5	Khu vực ngã 4 Bình Hoà	Chợ Bình Hoà + 300m	Nhà bà Khiêm	100,000		150,000
6	Khu vực còn lại			30,000		60,000
XII	Xã Cư Né					
1	Đất dọc Quốc lộ 14	Từ Km 57	Km68	100,000		150,000
2	Các tuyến tiếp giáp QL14					
a	Đường đi cầu Buôn Drăk	Từ giáp QL 14 (đoạn Km 62)	Cầu Buôn Drăk	50,000		75,000
b	Đường đi Đập Ea Plai buôn Dhiă	Từ giáp QL 14 (đoạn Km 62,5)	Đập Ea Plai buôn Dhiă	50,000		75,000
c	Đờng voà thôn Ea Nguôi	Từ giáp QL 14 (đoạn Km 68)	Nhà ông Đoái thôn Ea Nguôi	50,000		75,000
3	Khu vực còn lại			25,000		50,000
XIII	Xã Ea Drông					
1	Trục đường 2C					
		Giáp xã Ea Blang	Nhà Ama Luin	200,000		240,000
		Nhà Ama Luin	Nhà Ama Rueng	250,000		300,000
		Nhà Ama Rueng	Giáp công ty cà phê 49	200,000		240,000
2	Đường Ea Drông	Nhà Ama Luin	Giáp ranh xã Ea Hồ	100,000		120,000
3	Khu vực còn lại			30,000		50,000
XIV	Xã Ea Đê					
1	Khu Dân Cư dọc Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Pong Drang	Chùa Đạt Hiếu	1,200,000		1,800,000
		Chùa Đạt Hiếu	Giáp thị trấn Buôn Hồ	1,600,000		1,800,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
2	Các đường nhánh giáp QL14	Quốc lộ 14 + 300m		300,000	300,000	
		Từ 301m + 600m		150,000	150,000	
3	Các con đường thôn	Từ Đát Hiếu 1 đến Đát Hiếu 6 và Thôn Tân Lập				
		Đường rộng từ 8m - 12m		200,000	200,000	
		Đường rộng từ 6m - 8m		150,000	150,000	
		Đường thôn 2,3,4,5 - Công ty cà phê Buôn Hồ				
		Đường rộng từ 8m - 12m		150,000	150,000	
		Đường rộng từ 6m - 8m		80,000	80,000	
4	Đường Trần Hưng Đạo kéo dài	Giáp ranh thị trấn Buôn Hồ	Cầu Rô Xy	2,500,000		3,000,000
		Cầu Rô Xy	Giáp ranh huyện Krông Năng	1,000,000		1,500,000
5	Khu vực còn lại			60,000		100,000